**Mẫu số 04**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-NHNN ngày 25/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)……………………..------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: /QĐ-… (2) | *…, ngày … tháng … năm …* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc gia hạn thời hạn kiểm tra …………… (3)**

.............................................(4)

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số*[*102/2022/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-102-2022-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-ngan-hang-nha-nuoc-viet-nam-545056.aspx)*ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số ……/2023/TT-NHNN ngày ….../12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng;*

*Căn cứ…………………………………………………………………………... (5);*

*Căn cứ Quyết định số... ngày.../.../...của ..........(4) về việc kiểm tra……..(3);*

*Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Gia hạn thời hạn kiểm tra của đoàn kiểm tra theo Quyết định số... ngày.../.../... của...(4) về việc kiểm tra…………………………………………(3).

Lý do:..............................................................................................................

Thời gian gia hạn là.....ngày làm việc kể từ ngày…../.../… đến ngày…./…./....

**Điều 2.**Trưởng đoàn kiểm tra, (6) và (7) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 2;- ..........;- Lưu: ….….. | ..........................(8)(Chữ ký, dấu)**Họ và tên** |

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp của đơn vị kiểm tra và tên đơn vị kiểm tra hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành Quyết định kiểm tra.

(3) Tên cuộc kiểm tra.

(4) Thủ trưởng đơn vị kiểm tra hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(5) Các căn cứ khác để ban hành quyết định (nếu có).

(6) Thủ trưởng đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra.

(7) Thủ trưởng tổ chức là đối tượng kiểm tra (như Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/Giám đốc,...).

(8) Người ra quyết định kiểm tra.